

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2024/HS-PT
Ngày: 15-4-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Đinh Phước Hòa**.

Các Thẩm phán: ông **Võ Ngọc Thông**.
ông **Nguyễn Văn Tào**.

- Thư ký phiên tòa: bà **Đoàn Thị Thu Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đặng Thọ Định** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 143/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo Phan Sinh T và các đồng phạm về tội “Cố ý gây thương tích” và “Cưỡng đoạt tài sản”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phan Sinh T (tên gọi khác: T sút); Sinh ngày: 02/11/1982; tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam. Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; tiền án, tiền sự: Không; con ông Phan Văn T1 và con bà Phạm Thị K; vợ là Trịnh Thị Tuyết T2; có 03 con. Nhân thân:

Ngày 01/6/2000, có hành vi “Cướp giật tài sản” bị TAND huyện Quảng Trạch xử 06 tháng tù, theo bản án số 42/HSST ngày 29/10/2000;

Ngày 02/12/2000, có hành vi “Trộm cắp tài sản” bị TAND huyện Quảng Trạch xử 20 tháng tù, theo bản án số 44/HSST ngày 03/8/2001.

Ngày 27/11/2003, có hành vi “Trộm cắp tài sản” bị TAND huyện Quảng Trạch xử 24 tháng tù, theo bản án số 28/HSST ngày 14/7/2006.

Ngày 15/02/2019, có hành vi “sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép”, Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi, bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/9/2021 đến ngày 13/01/2022 được thay thế sang biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

2. Ngô Mạnh L (tên gọi khác: không) Sinh ngày: 22/7/1987; tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; tiền sự: không; tiền án: 01 tiền án; con ông không xác định và bà Ngô Thị T3; vợ là Đinh Thị T4 (đã mất); có 01 con sinh năm 2019; Nhân thân:

Ngày 29/11/2012, có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 20/3/2015, có hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 01/10/2016, cùng đồng bọn đánh nhau, Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 20/10/2017, có hành vi “Cưỡng đoạt tài sản”, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xử 24 tháng tù. Chấp hành án tại Trại giam Đ, đến ngày 15/11/2019 chấp hành xong (chưa được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/9/2021 đến ngày 28/01/2022 được thay thế sang biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

3. Trần Ánh P. Sinh ngày: 25/10/1991; tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi cư trú: TDP T, phường Q, TX. B, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; tiền sự: không; tiền án: 01 tiền án; con ông Trần Ánh D và con bà Nguyễn Thị B, Anh chị em: có 02 người, P là con thứ hai; Nhân thân:

Ngày 01/5/2006, có hành vi trộm cắp tài sản, Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 17/10/2007, có hành vi trộm cắp tài sản, Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 26/12/2007, có hành vi trộm cắp tài sản, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xử 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Ngày 28/02/2008, có hành vi trộm cắp tài sản, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xử 09 tháng tù, bản án số 49/HSST ngày 28/8/2008.

Ngày 10/5/2008, có hành vi trộm cắp tài sản, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xử 10 tháng tù, bản án số 60/HSST ngày 24/10/2008 + 13 tháng 20 ngày của bản án 49/2008 = 23 tháng 20 ngày tù giam.

Ngày 15/9/2008, có hành vi trộm cắp tài sản, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xử tổng hợp 2 hình phạt là 35 tháng 20 ngày tù giam.

Ngày 10/12/2010, có hành vi trộm cắp tài sản, Tòa án huyện B xử 36 tháng tù, bản án số 16/2011/HSST ngày 25/5/2011. Tổng hợp bản án số 16/2011/HSST ngày 06/4/2011 của TAND huyện Quảng Trạch xử 18 tháng.

Tổng chung 54 tháng tù giam.

Ngày 23/12/2010, có hành vi trộm cắp tài sản, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xử 18 tháng tù, bản án số 16/2011/HSST ngày 06/4/2011.

Ngày 30/7/2017, có hành vi trộm cắp tài sản, Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 11/10/2018, có hành vi xâm hại sức khỏe công dân, Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 15/02/2019, có hành vi gây rối trật tự công cộng, Tòa án huyện Quảng Trạch xử phạt 24 tháng tù. Chấp hành án tại Trại giam Đ, đến ngày 11/7/2021 chấp hành xong (chưa được xóa án tích). Bị can bị bắt tạm giam từ ngày 13/9/2021 đến ngày 09/12/2021 được thay thế sang biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

4. Phạm Văn H. Sinh ngày: 01/02/1991; tại huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Công nhân. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Công nhân; tiền sự: không; tiền án: 01 tiền án; con ông Phạm Văn S và bà Ngô Thị C; anh chị em: có 06 người, H là con thứ sáu; Nhân thân:

Ngày 25/5/2009, có hành vi trộm cắp tài sản, Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương xử 24 tháng tù.

Ngày 09/01/2013, có hành vi cưỡng đoạt tài sản, Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh xử 42 tháng tù.

Ngày 06/10/2017, có hành vi xâm hại sức khỏe người khác và hủy hoại tài sản, Công an huyện L, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt hành chính.

Ngày 07/5/2020, có hành vi “Tàng trữ, vận chuyển hàng cấm”, Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh xử 12 tháng tù. Chấp hành án tại Trại giam Đ, đến ngày 19/01/2021 chấp hành xong (chưa được xóa án tích). Bị can bị bắt tạm giam từ ngày 13/9/2021 đến ngày 09/12/2021 được thay thế sang biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

5. Phạm Ngọc S1. Sinh ngày: 04/4/1984; tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Công nhân;

con ông Phạm Ngọc T5 và Phạm Thị S2; có vợ là Phạm Thị T6; có 02 con: lớn 14 tuổi, nhỏ 11 tuổi; anh chị em: có 03 người, S1 là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

Ngày 11/10/2018, có hành vi đánh bạc, Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2021 đến ngày 01/12/2021 được thay thế sang biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

6. Nguyễn Trung T7. Sinh ngày: 11/11/1996; tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: Công nhân; tiền án, tiền sự: Không; con ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị L1; anh chị em: có 02 người, T7 là con thứ hai; Nhân thân:

Ngày 02/02/2020, có hành vi đánh nhau, Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2021 đến ngày 01/12/2021 được thay thế sang biện pháp bảo lãnh. Có mặt

- **Người bào chữa cho bị cáo** Phan Sinh T: Ông Trần Đình T8 và bà Bùi Thị T9. Luật sư Văn phòng Luật sư Vì dân thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, địa chỉ: Số C Ngõ B phố T, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội là người bào chữa cho bị cáo Phan Sinh T. Vắng mặt.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Khánh H2. Sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Ông Hồ Minh T10, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. Bà Mai Thị N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu tái định cư K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Quyết T11, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu tái định cư K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

5. Bà Lê Thị Thu H3, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

6. Ông Phạm Trung T12, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị V, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị O, sinh ngày 20/11/1981. Địa chỉ: Thôn F, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

3. Ông Phạm Đình Q, sinh ngày 02/02/1987. Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.
4. Bà Nguyễn Thị T13, sinh ngày 01/01/1980. Địa chỉ: Thôn F, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.
5. Ông Nguyễn Thành L2, sinh ngày 03/9/1976. Địa chỉ: Khu tái định cư M, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt
6. Ông Nguyễn Tiến T14, sinh ngày 20/11/1974. Địa chỉ: Thôn A Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.
7. Bà Hoàng Thị N1, sinh ngày 10/2/1981. Địa chỉ: Khu tái định cư K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.
8. Hoàng L3, sinh ngày 23/8/1978. Địa chỉ: Khu tái định cư K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.
9. Bà Mai Thị Thanh D1, sinh ngày: 23/7/1977. Địa chỉ: Khu tái định cư Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.
10. Bà Nguyễn Thị H4, sinh ngày 30/10/1980. Địa chỉ: Khu tái định cư K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.
11. Ông Mai Xuân Q1, sinh ngày 06/10/1970. Địa chỉ: Thôn D Đ, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.
12. Ông Mai Hồng L4, sinh ngày 26/11/1977. Địa chỉ: Khu tái định cư Đ, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt
13. Ông Nguyễn Xuân M, sinh ngày 16/12/1990. Địa chỉ: Khu tái định cư Đ, K, K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt
14. Ông Mai Văn S3, sinh ngày 10/8/1978. Địa chỉ: Thôn C Đ, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.
15. Ông Mai Công T15, sinh ngày 10/10/1973. Địa chỉ: Thôn A Đ, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.
16. Ông Nguyễn Văn H5, sinh ngày 01/2/1978. Địa chỉ: Thôn B, xã C, C, Hà Tĩnh, vắng mặt.
17. Ông Phạm Đình T16, sinh ngày 10/10/1979. Địa chỉ: Thôn B, xã C, C, Hà Tĩnh, vắng mặt.
18. Ông Tường Văn D2, sinh ngày 10/6/1985. Địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt
19. Ông Nguyễn Đức N2, sinh ngày 10/6/1990. Địa chỉ: Thôn A Q, Q, Quảng Bình, vắng mặt.
20. Ông Nguyễn Tùng L5, sinh ngày 12/10/1984. Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
21. Ông Phạm Minh H6, sinh ngày 07/8/1983. Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

22. Ông Trần Anh T17, sinh ngày 20/01/1983. Địa chỉ: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
23. Ông Nguyễn Xuân T18, sinh ngày 12/10/1978. Địa chỉ: Khu phố B, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
24. Ông Nguyễn Khánh P1, sinh ngày 16/9/1982. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
25. Ông Trần Công M1, sinh ngày 15/5/1997. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
26. Anh Hồ Văn H7, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
27. Ông Nguyễn Đức T19, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
28. Anh Nguyễn Ngọc L6, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
29. Ông Phan Mạnh C1, sinh ngày 15/01/1980. Trại giam N3, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.
30. Ông Hồ Đăng H8, sinh ngày 02/4/1984. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
31. Ông Trần Đình V1, sinh ngày 27/9/1980. Địa chỉ: Khu phố B, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
32. Ông Lê Ngọc G, sinh ngày 12/02/1984. Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.
33. Ông Tưởng Văn T20, sinh ngày 10/11/1984. Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
34. Bà Mai Thị Y, sinh ngày 15/7/1977. Địa chỉ: Thôn D Đ, xã K, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi “Cưỡng đoạt tài sản”:

Khoảng từ cuối tháng 5/2021 đến tháng 8/2021, các ngư dân người Hà Tĩnh vào vùng biển thuộc huyện Q để khai thác sò biển, sau đó tập kết vào các bãi để các thương lái người Hà Tĩnh thu mua sò. Thời điểm này, Dự án “Bến dịch vụ hậu cần nghề cá Mũi Ông” của Công ty TNHH T24 (do Phan Sinh T đóng cổ phần 30%) đang tiến hành xây dựng tại địa bàn xã Q, huyện Q, công trình này do Phan Sinh T quản lý và có 07 người làm việc cho T, trong đó có Ngô Mạnh L.

Đầu tháng 6/2021, mặc dù công trình đang xây dựng chưa được phép đi vào hoạt động nhưng Ngô Mạnh L bàn bạc với Phan Sinh T về việc sẽ thu tiền của các thương lái dựa theo đầu kg sò biển để trang trải sinh hoạt thêm cho anh em và được Phan Sinh T đồng ý. Để che giấu việc thu tiền trái phép, Ngô Mạnh L soạn thảo các hợp đồng thu mua hải sản có nội dung: Linh tìm hiểu, khảo sát nguồn hàng và gọi tàu vào khai thác, thu mua, sang hàng cho người mua sò và người mua sò phải trả chiết khấu phần trăm cho L theo giá cả thị trường. Các biên bản này do L và những thương lái mua sò ký. Tuy nhiên trên thực tế thì L không hề cung cấp các dịch vụ như nội dung ghi trong hợp đồng mà những người khai thác sò và thương lái tự liên hệ với nhau để mua bán nhưng L vẫn ép buộc người mua sò phải nộp cho Ngô Mạnh L 3.000đồng/1kg sò mua được.

Căn cứ vào kết quả điều tra xác định:

Ngày 03/6/2021, Ngô Mạnh L cùng Phan Sinh T đến khu vực cảng R thì thấy xe ô tô chở sò của vợ chồng anh Nguyễn Quyết T11 và chị Mai Thị N trú tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vừa thu mua xong. L chặn xe và tranh cãi về việc kê khai không đúng số lượng sò đã mua. Thấy vậy, Phan Sinh T dùng tay kẹp cổ anh T11 và đâm 02 - 03 cái vào mặt anh T11. Trong khoảng thời gian từ ngày 07/6/2021 đến ngày 10/8/2021 vợ chồng anh Nguyễn Quyết T11 và chị Mai Thị N do lo sợ bị nhóm của Phan Sinh T đánh nên buộc phải vào cảng P thu mua sò biển, phải nộp cho Ngô Mạnh L số tiền 11.900.000 đồng tính theo số đầu kg sò đã thu mua được.

Ngày 09/6/2021, Ngô Mạnh L cùng Phan Sinh T đến khu vực gần nhà hàng C2 thuộc xã Q, huyện Q thì thấy có chị Trần Thị V và vợ chồng chị Lê Thị Thu H3, anh Phạm Trung T12 đều ở huyện C, tỉnh Hà Tĩnh cùng nhiều thương lái đang tập trung mua bán sò biển tại đây. T lớn tiếng đe dọa và yêu cầu những người này phải về cảng P mua bán sò để nhóm T và L thu tiền trái phép. T lấy chìa khóa xe ô tô của anh Lê Văn G1 chở hàng cho vợ chồng chị Lê Thị Thu H3, anh Phạm Trung T12 buộc phải về cảng P mua bán sò. Trong khoảng thời gian từ ngày 09/6/2021 đến ngày 09/8/2021, vì là người ngoài địa phương đến làm ăn buôn bán và lo sợ nên vợ chồng chị Lê Thị Thu H3 và anh Phạm Trung T12 phải vào cảng P thu mua sò biển và buộc phải nộp cho Ngô Mạnh L số tiền 67.950.000 đồng tính theo số kg sò biển đã mua được.

Ngày 28/10/2021, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Q tiếp nhận 01 USB (file ghi âm) do người dân cung cấp, ngày 06/5/2022, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Q đã có Quyết định trưng cầu giám định số 45/QĐ-PC02 về việc giám định giọng nói trong file ghi âm nói trên tại V2. Tại bản kết luận giám định số 2943/KL-KTHS ngày 17/5/2022 kết luận: “Không đủ điều kiện đưa ra kết luận giám định tiếng nói của Phan Sinh T trong mẫu cần giám định, do mẫu so sánh không tương thích”. Bị hại Trần Thị V xác định giọng nói nữ chính trong file đó là giọng của mình và giọng nam chính là của Phan Sinh T. Bị can Phan Sinh T xác định giọng nói nam trong file ghi âm giống giọng của mình.

2. Hành vi “Cố ý gây thương tích”:

Khoảng 8 giờ ngày 11/8/2021, anh Hồ Minh T10 thuê anh Hồ Đăng H8, ở xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình điều khiển tàu Hải Đăng 01 số hiệu QB 22322-TS chở 08 người gồm: Hồ Minh T10, Nguyễn Khánh H2, Nguyễn Khánh P1, Trần Công M1, Hồ Văn H7, Nguyễn Đức T19, Nguyễn Ngọc L6 cùng trú tại xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình và Phan Mạnh C1, trú tại xã H, huyện M đi từ cửa G2 đến khu vực biển H để câu cá. Khi đến tọa độ 17050’N-106029’E cách cửa Ròn về hướng Đ khoảng 03 hải lý thuộc vùng biển xã Q, huyện Q thì neo đậu câu cá và tổ chức ăn uống. Lúc này, tàu QB33745 của anh Tưởng Văn D2 cùng 3 người khác theo lời mời của anh T10 đến cập vào mạn bên trái tàu Hải Đăng 01 cùng tham gia ăn uống.

Tại vị trí vùng biển này có tàu QB 93501TS là tàu của Phan Sinh T do Phạm Ngọc S1 điều khiển, trên tàu có Nguyễn Tùng L5, Nguyễn Trung T7 và Phạm Minh H6 đi ra vùng biển xã Q, huyện Q để giám sát việc khai thác sò biển của ngư dân theo chỉ đạo của Phan Sinh T. Khi thấy tàu Hải Đăng 01 chạy xung quanh các tàu lặn khai thác sò biển của các ngư dân thì S1 gọi điện thoại báo cho Phan Sinh T, T nói để T ra xem xét xử lý.

Khoảng 13 giờ 30’ cùng ngày, Phan Sinh T cùng với Phạm Văn H, Ngô Mạnh L và Trần Ánh P (là những người làm thuê cho T) đi nhờ tàu của anh Lê Ngọc T21 để ra biển qua tàu QB 93501TS của mình. Phan Sinh T yêu cầu S1 điều khiển tàu cập vào mạn tàu Hải Đăng 01, lúc này Nguyễn Trung T7 vào cabin tàu lấy một thanh kiếm đưa cho Phạm Văn H, một móc sắt đưa cho Ngô Mạnh L. Khi S1 điều khiển tàu tông vào mạn bên phải và cập vào mạn bên phải tàu Hải Đăng 01 thì Phan Sinh T, Ngô Mạnh L, Trần Ánh P và Phạm Văn H cùng nhảy sang tàu Hải Đăng 01, các đối tượng dùng kiếm và móc sắt, tấn công đánh, chém những người trên tàu Hải Đăng 01. Do bị tấn công bất ngờ nên những người trên tàu Hải Đăng 01 nhảy xuống biển và chạy qua tàu của anh Tưởng Văn D2 neo đậu bên trái để trốn. Anh Hồ Minh T10 bị chém trúng gần cổ tay trái nên nhảy qua tàu anh D2 để tránh đồng thời dùng điện thoại di động quay lại sự việc. Riêng anh Nguyễn Khánh H2 không kịp chạy bị Ngô Mạnh L và Trần Ánh P đè xuống sàn tàu, Phạm Văn H cầm kiếm chém vào đầu anh H2 và dùng chân đạp 02 lần vào người anh H2. Đến khi Phan Sinh T nói “Thôi không đánh nữa” thì cả nhóm quay về tàu của mình do Phạm Ngọc S1 điều khiển chạy về cảng P, khi đi được khoảng một hải lý, Nguyễn Trung T7 do lo sợ nên đã vứt các hung khí gây án xuống biển hiện không truy tìm được.

Hậu quả: Anh Nguyễn Khánh H2 bị thương tích ở vùng cằm phải và giữa gan bàn chân trái, tỷ lệ thương tích 02%; Anh Hồ Minh T10 bị thương tích ở 1/3 dưới trong cẳng tay trái, tỷ lệ thương tích 01%. Đối với thương tích của anh Hồ Minh T10 ở gần cổ tay trái anh T10 trình bày do Phan Sinh T dùng dao chém. Quá trình điều tra T không thừa nhận, không xác định được cụ thể đối tượng nào dùng dao chém anh T10. Nhưng thương tích của anh T10 là hậu quả của việc bị

nhóm Phan Sinh T, Ngô Mạnh L, Phạm Văn H và Trần Ánh P vô cớ dùng hung khí nhảy qua tàu Hải Đăng 01 tấn công những người trên tàu Hải Đăng gây ra, nên cần buộc nhóm của Phan Sinh T phải chịu trách nhiệm đối với thương tích của anh T10.

Bị hại Hồ Minh T10 giao nộp cho Cơ quan Điều tra 01 file dữ liệu điện tử được quay chụp lại bằng điện thoại di động, ghi lại hình ảnh vụ “Cố ý gây thương tích” xảy ra ngày 11/8/2021 trên tàu Hải Đăng 01, sau khi anh T10 bị tấn công nên nhảy được qua tàu của anh D2 và dùng điện thoại di động ghi lại. Bản kết luận giám định số 1114/GĐ-PC09 ngày 10/9/2021 của Phòng K1 - Công an tỉnh Q, kết luận các file và hình ảnh không bị cắt ghép, chỉnh sửa.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra thu thập được:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11, màu đen, bị nứt vỡ kính mặt lưng, máy không lên nguồn.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6s Plus, màu vàng, máy đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, số Imei: 359461650010672, màu xanh dương, máy đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6s, màu xám, đã qua sử dụng.

- 01 đầu thu camera nhãn hiệu Dahua, loại 08 mắt, vỏ ngoài bằng kim loại màu đen, kích thước (26 x 23 x 4,5)cm, mode DHI-HCVR4108HS-S3.

- 01 đầu thu dữ liệu từ camera nhãn hiệu Dahua, mode DHI-NVR4232-4KS2, đã qua sử dụng.

- 01 cây đao, chiều dài 79cm, phần cán làm bằng kim loại dài 41cm, hai bên được ốp gỗ màu nâu, lưỡi đao bằng kim loại sáng màu dài 38cm, loại đao có một lưỡi sắc và một đầu nhọn, phần lưỡi đao gập được vào phần cán.

- 01 thanh kiếm, chiều dài 92cm, phần cán bằng gỗ dài 20cm, bên ngoài được bọc 05 khuy bằng kim loại màu vàng đồng, phần lưỡi kiếm bằng kim loại sáng màu dài 65cm, một đầu nhọn, một lưỡi sắc, vỏ bao kiếm bằng gỗ màu vàng chiều dài 72cm, chỗ rộng nhất của vỏ bao kiếm là 06cm.

- Tiền ngân hàng N4: 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) đã nộp vào tài khoản tạm giữ.

Chuyển vật chứng theo hồ sơ vụ án, gồm:

- 01 tập tài liệu và hoá đơn gồm 58 tờ giấy A4 chứa nội dung liên quan đến hợp đồng thu mua hải sản thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Phan Sinh T.

- 03 cuốn sổ nhật ký nhãn hiệu HẢI TIẾN, mã số 3637, loại vở ô ly kích thước (13 x 09 x 01)cm; 02 cuốn sổ ghi chép nhãn hiệu HOÀNG HÀ, loại vở ô ly, kích thước (13 x 09 x 01)cm; 01 quyển vở nhãn hiệu HỒNG HÀ, mã số 2833, loại vở ô ly, kích thước (20 x 15,5 x 0,5)cm; 01 quyển vở nhãn hiệu

QUYẾT TÂM, loại vở ô ly, kích thước (20 x 15,5 x 0,5)cm; 02 bìa giấy nhẵn hiệu HẢI TIẾN, kích thước (8,3 x 13)cm và 01 cuốn sổ không có bìa, loại vở ô ly, kích thước (8,5 x 13 x 01)cm.

- 01 tập tài liệu gồm 05 tờ giấy A4 bên trong chứa nội dung hợp đồng môi giới liên quan đến hoạt động thu mua sò; 01 quyển sổ kích thước (14 x 10)cm, dạng vở ô ly không có bìa, bên trong chứa nội dung thua mua sò; 01 quyển sổ kích thước (12 x 9)cm, loại sổ tay, bìa sổ có nhiều hình ảnh hoa văn khác nhau.

* Về trách nhiệm dân sự: Đối với vụ án “Cố ý gây thương tích”, anh Hồ Minh T10 yêu cầu bồi thường 7.500.000 đồng, anh Nguyễn Khánh H2 yêu cầu bồi thường 56.600.000 đồng. Gia đình bị can Phan Sinh T đã đưa cho anh H2 50.000.000 đồng và tự nguyện giao nộp 7.500.000 đồng. (BL: 897- 902; 917; 2270- 2271)

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phan Sinh T và Ngô Mạnh L phạm tội “Cố ý gây thương tích”, quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Các bị cáo Trần Ánh P, Phạm Văn H, Phạm Ngọc S1 và Nguyễn Trung T7 phạm tội “Cố ý gây thương tích”, quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015

2. Về Hình phạt:

- Áp dụng điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134; điểm d khoản 2 Điều 170, Điều 17 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Sinh T 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 45 (bốn mươi lăm) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được trừ vào thời gian bị bắt tạm giam từ 13/9/2021 đến 13/01/2022.

- Áp dụng điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134; điểm d khoản 2 Điều 170, Điều 17 Bộ luật hình sự; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Ngô Mạnh L 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 45 (bốn mươi lăm) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được trừ vào thời gian bị bắt tạm giam 13/9/2021 đến 28/01/2022.

- Áp dụng điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Ánh P 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được trừ vào thời gian bị bắt tạm giam 13/9/2021 đến 09/12/2021.

- Áp dụng điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn H 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được trừ vào thời gian bị bắt tạm giam 13/9/2021 đến 09/12/2021.

- Áp dụng điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; xử phạt bị cáo Phạm Ngọc S1 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được trừ vào thời gian bị bắt tạm giam 05/10/2021 đến 01/12/2021.

- Áp dụng điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T7 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được trừ vào thời gian bị bắt tạm giam 05/10/2021 đến 01/12/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 25/01/2024, bị cáo Phan Sinh T có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 29/01/2024, bị cáo Nguyễn Trung T7 có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 29/01/2024, bị cáo Nguyễn Ánh P2 có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 29/01/2024, bị cáo Phạm Văn H có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 29/01/2024, bị cáo Ngô Mạnh L có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 29/01/2024, bị cáo Phạm Ngọc S1 có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng thay đổi nội dung kháng cáo từ kháng cáo kêu oan sang kháng cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện VKS cấp cao tại Đà Nẵng có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Tòa án cấp sơ xét xử bị cáo Nguyễn Sinh T22, Ngô Mạnh L về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Điều 170 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Sinh T22, Ngô Mạnh L, Trần Ánh P, Phạm Văn H, Phạm Ngọc S1, Nguyễn Trung T7 về tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng pháp luật.

Về hành vi cưỡng đoạt tài sản: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Ngô Mạnh L, Phan Sinh T khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện việc có đến nhà bị hại để bồi thường thiệt hại đối với hành vi cưỡng đoạt tài sản, bị hại không nhận và có đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo nhưng phần bồi thường này thì quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm các bị hại không yêu cầu và tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết nên không thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình là “*bồi thường thiệt hại*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo không có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 nên không thể áp dụng Điều 54 để giảm hình phạt cho bị cáo L, T.

Về hành vi cố ý gây thương tích: mặc dù tại phiên tòa các bị khai nhận hành vi phạm tội nhưng thấy mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của bị cáo.

[1] Theo bản án hình sự sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai người làm chứng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có đủ cơ sở xác định:

[2] Hành vi cưỡng đoạt tài sản:

[2.1] Phan Sinh T được Nhà nước cho phép thực hiện dự án “*Bến dịch vụ hậu cần nghề cá M*”, T đồng ý cho Ngô Mạnh L thu tiền của các thương lái dựa theo đầu kg sò biển với số tiền 3.000 đồng/kg. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 8/2021, L và T đã có lời nói, hành động đe dọa, ép buộc vợ chồng chị Mai Thị N, anh Nguyễn Quyết T11 và vợ chồng chị Lê Thị Thu H3, anh Phạm Trung T12 là những thương lái buôn bán hải sản ở Hà Tĩnh phải vào cảng P (T và L đang quản lý) thu mua sò biển và thu phí dịch vụ 3.000 đồng/kg, nhưng thực tế L không cung cấp dịch vụ gì cả. Ngô Mạnh L đã chiếm đoạt vợ chồng chị Mai Thị N, anh Nguyễn Quyết T11 số tiền 11.900.000 đồng, vợ chồng chị Lê Thị Thu H3, anh Phạm Trung T23 số tiền 67.950.000 đồng. Sau khi cưỡng đoạt tiền thì L có đưa cho T 10.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an ninh tại địa phương, hoạt động kinh doanh, tự do buôn bán của người dân. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc mới đảm bảo tính trừng trị và giáo dục răn đe phòng ngừa loại tội phạm này.

[2.3] Trong việc chiếm đoạt tài sản thì bị cáo Ngô Mạnh L là người khởi xướng và được Phan Sinh T đồng ý, chính bị cáo L là người thực hiện trực tiếp hành vi ép các thương lái vào cảng P thu mua hải sản để từ đó thu tiền. Bị cáo L là người trực tiếp thu tiền của vợ chồng anh T23, chị N, vợ chồng anh T23, chị H3. Bị cáo cưỡng đoạt được số tiền là 79.850.000 đồng nhưng chỉ đưa Phan Sinh T 10.000.000 đồng. Do bị cáo kêu oan nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 36 tháng tù là khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[2.4] Bị cáo Phan Sinh T là người quản lý cảng P đã đồng ý cho phép Ngô Mạnh L thu tiền trái phép của các thương lái, bị cáo cũng có hành động ép các thương lái phải vào cảng P thu mua hải sản, bị cáo được hưởng lợi 10.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều kêu oan nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 36 tháng tù, là mức án khởi điểm quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ Luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

[2.5] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Ngô Mạnh L, Phan Sinh T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[2.6] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo L, Sinh T có cũng cấp giấy “*Đơn xin giảm nhẹ hình phạt*” đề ngày 13/4/2024 của bị hại Nguyễn Quyết T11, với nội dung: “*Sau khi được tại ngoại, anh Ngô Mạnh L và anh Phan Sinh T đã tới gặp tôi nhiều lần để trả lại số tiền 11 triệu đồng nhưng tôi từ chối không nhận lại. Hôm nay tôi viết đơn này gửi tới Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng với mong muốn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Ngô Mạnh L và Phan Sinh T để được trở về sớm với gia đình và xã hội*”, như vậy các bị cáo đã nhiều lần tự nguyện đến nhà bị hại với mong muốn được bồi thường số tiền đã chiếm đoạt, mặc dù bị hại không nhận bồi thường nhưng đã ghi nhận thái độ của bị cáo và từ đó có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L, T. Vì vậy, cần xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo L, T.

[2.7] Trong hành vi phạm tội này, bị cáo Phan Sinh T chỉ có vai trò đồng phạm, số tiền thụ hưởng ít, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ đang bị bệnh ung thư giai đoạn 3 và có 3 con nhỏ nên mức hình phạt phải thấp hơn so với bị cáo Ngô Mạnh L

[2.8] Do các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên có cơ sở để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm hình phạt cho các bị cáo Ngô Mạnh L, Phan Sinh T để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[3] Về hành vi cố ý gây thương tích:

Ngày 11/8/2021, Phạm Ngọc S1 cùng Nguyễn Tùng L5, Nguyễn Trung T7, Phạm Minh H6 điều khiển tàu QB 93501TS của Phan Sinh T đi đến vùng biển xã Q, huyện Q để giám sát việc khai thác sò của ngư dân thì thấy tàu Hải Đăng 1 (trên tàu có anh Hồ Minh T10, Hồ Đăng H9, Nguyễn Khánh H2, Nguyễn Khánh P1, Trần Công M1, Hồ Văn H7, Nguyễn Đức T19 và Nguyễn Ngọc L6) chạy xung quanh tàu khai thác sò của các ngư dân nên gọi điện thoại báo cho Phan Sinh T. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Phan Sinh T cùng Phạm Văn H, Ngô Mạnh L và Trần Ánh P (là những người làm thuê cho T) đi nhờ tàu của anh Lê Ngọc T21 để đến tàu QB 93501TS, sau đó T yêu cầu S1 điều khiển tàu cập vào mạn tàu Hải Đăng 1, còn Nguyễn Trung T7 đã chuẩn bị hung khí là kiếm, móc sắt. Phan Sinh T cùng Ngô Mạnh L cầm móc kim loại, Trần Ánh P và Phạm Văn H cầm kiếm cùng nhảy qua tàu Hải Đăng 1, các đối tượng đã dùng kiếm, móc sắt tấn công những người trên tàu. Hậu quả là anh Nguyễn Khánh H2 bị thương ở vùng cằm phải và giữa gang bàn chân trái với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%, anh Hồ Minh T10 bị thương ở 1/3 dưới trong cẳng tay trái, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%.

[3.1] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm vào sức khỏe của người khác, chỉ vì các bị cáo cho rằng tàu Hải Đăng 1 có hành vi khiêu khích mà đã chuẩn bị kiếm, móc sắt để tấn công nhóm người anh bị hại. Vì vậy, phải có mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với các bị cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò của các bị cáo, tính chất nguy hiểm hành vi của từng bị cáo cũng như việc các bị cáo đều ngoan cố không thừa nhận hành vi phạm tội của mình trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử từ đó xử phạt bị cáo Phan Sinh T 09 tháng tù, Ngô Mạnh L 09 tháng tù, Trần Ánh P 09 tháng tù, Phạm Văn H 09 tháng, Phạm Ngọc S1 06 tháng tù và Nguyễn Trung T7 06 tháng tù là đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Tại phiên tòa bị cáo Phan Sinh T xác nhận tiền bồi thường cho anh H2 50.000.000 đồng và giao nộp 7.500.000 đồng là tiền bồi thường của tất cả các bị cáo. Vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 cho bị cáo L, P, H, S1 và Trung T7.

[3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều thay đổi lời khai, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thương tích của các bị hại cũng chỉ là 1% và 2% nên thấy cần áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 đối với Phan Sinh T, Ngô Mạnh L, Trần Ánh P, Phạm Văn H.

[3.4] Do các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên có cơ sở giảm hình phạt cho các bị cáo, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Phạm Ngọc S1, Nguyễn Trung T7.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Sinh T, Ngô Mạnh L, Trần Ánh P, Phạm Văn H, Phạm Ngọc S1 và Nguyễn Trung T7, Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST ngày 20/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

1. Áp dụng điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134; điểm d khoản 2 Điều 170; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Sinh T 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 21 (hai mươi mốt) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được trừ vào thời gian bị bắt tạm giam từ 13/9/2021 đến 13/01/2022.

2. Áp dụng điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134; điểm d khoản 2 Điều 170; Điều 17; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Mạnh L 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 18 (mười tám) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được trừ vào thời gian bị bắt tạm giam 13/9/2021 đến 28/01/2022.

3. Áp dụng điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s, b khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Ánh P 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được trừ vào thời gian bị bắt tạm giam 13/9/2021 đến 09/12/2021.

4. Áp dụng điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s, b khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 06 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được trừ vào thời gian bị bắt tạm giam 13/9/2021 đến 09/12/2021.

5. Áp dụng điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm i, s, b khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc S1 04 (bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được trừ vào thời gian bị bắt tạm giam 05/10/2021 đến 01/12/2021.

6. Áp dụng điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134; điểm i, s, b khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T7 04 (bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được trừ vào thời gian bị bắt tạm giam 05/10/2021 đến 01/12/2021.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

7. Về án phí: Bị cáo Phan Sinh T, Ngô Mạnh L, Trần Ánh P, Phạm Văn H, Phạm Ngọc S1 và Nguyễn Trung T7 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

8. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị như: xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Phước Hòa